

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoài Sơn

Ông Nguyễn Việt Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Tôi và anh A kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 16/1/2012 tại UBND xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một năm đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A uống rượu, cờ bạc thua nhiều và về nhà đánh đập chửi bới tôi thường xuyên. Một tháng đánh đập chửi bới tôi đến

25 ngày. Từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt chúng tôi đã ly thân nhau đến 03 lần nhưng sau đó tôi lại tha thứ vợ chồng về với nhau. Đến tháng 4/2018 chồng tôi đánh tôi vô cớ và từ đó chúng tôi đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh A.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 28/12/2012; Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 21/10/2015. Khi ly hôn chúng tôi thỏa thuận tôi nuôi cháu H, anh A nuôi cháu H. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày: Tôi và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 16/11/2012 tại UBND xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc lắm. Mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra nhưng không thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ tôi làm bất cứ công việc gì đều toàn quyền quyết định không bàn bạc và hỏi ý kiến của tôi từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Ví dụ vợ tôi cho tiền bà bá mà không hỏi ý kiến của tôi, tự nguyện cho quần áo người khác tôi hỏi thì quay ra cáu gắt. Thời gian bắt đầu vợ chồng mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2016 cho đến nay. Vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân với nhau chúng tôi không quan tâm đến nhau mà chỉ đi lại vì con cái mà thôi. Nay chị T xin ly hôn. Tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 28/12/2012; Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 21/10/2015. Chúng tôi thỏa thuận tôi nuôi cháu H, chị T nuôi cháu H. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

* Về tài sản gồm có:

Về tài sản riêng trước kết hôn tôi có:

- 01 sổ đỏ mang tên Nguyễn Văn A cấp năm 2003
- 01 sổ ruộng mang tên Nguyễn Văn V
- 01 đăng ký xe máy mang tên Phạm Thị T
- 01 bộ hồ sơ thi bằng xe máy
- 01 bộ hồ sơ ly hôn

Về tài sản riêng này tôi yêu cầu chị T trả lại cho tôi.

Về tài sản chung gồm có:

- 01 thổ đất tại thôn chè vè, xã T, Văn Yên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị T, trên diện tích đất là một ngôi nhà xây cấp 4 rộng 49m70cm và công trình phụ kèm theo tổng trị giá khoảng 1 tỷ đồng.
- 01 máy giặt panasonic trị giá: 2.000.000đồng

- 01 tủ lạnh trị giá: 2.000.000đồng
- 01 máy nóng lạnh trị giá: 3.500.000đồng
- 02 xe máy Honda mang tên Phạm Thị T trị giá: 30.000.000đồng.
- 03 quầy và hàng 01 là ở Đại Sơn, 01 là ở Yên Phú; 01 ở An Thịnh tổng trị giá khoảng: 500.000.000đồng.

Tổng trị giá tài sản chung là: 1.537.500đồng (Một tỷ năm trăm ba bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung tôi đề nghị Tòa án giải quyết chia làm 05 phần bằng nhau gồm: Anh Nguyễn Văn A, chị Phạm Thị T, cháu Đào Minh D, cháu Nguyễn Thị Bích H, cháu Nguyễn Văn Đức H. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm nữa.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh A. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung. Chị T trực tiếp nuôi cháu H, anh A trực tiếp nuôi cháu H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về nợ chung không có. Về tài sản chung do anh A không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản do vậy đề nghị Tòa án không xem xét về phần tài sản chung, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, Đăng ký ngày 16/1/2012 tại UBND xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một năm đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A uống rượu, cờ bạc thua nhiều và về nhà đánh đập chửi bới chị thường xuyên. Một tháng đánh đập chửi bới đến 25 ngày. Từ đó tình cảm vợ

chồng bị rạn nứt anh chị đã ly thân nhau đến 03 lần nhưng sau đó lại tha thứ vợ chồng về với nhau. Đến tháng 4/2018 anh A đánh tôi vô cớ và từ đó chúng tôi đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Còn anh A cho rằng Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc lắm. Mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra nhưng không thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T làm bất cứ công việc gì đều toàn quyền quyết định không bàn bạc và hỏi ý kiến của anh từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả mà chỉ đi lại vì con cái mà thôi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh A là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hiện nay chị T và anh A đã sống ly thân nhau gần hai năm không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh A là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 28/12/2012; Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 21/10/2015. Các đương sự thỏa thuận anh A nuôi cháu H, chị T nuôi cháu H. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T khai rằng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh A đã khai nợ chung không có nhưng có tài sản chung và tài sản riêng. Đối với tài sản riêng anh yêu cầu chị T phải trả lại cho anh. Còn tài sản chung anh yêu cầu Tòa án chia làm 05 phần. Đối với tài sản riêng anh A không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh là các tài sản riêng của anh hiện nay chị T đang lưu giữ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận buộc chị T phải trả lại cho anh các giấy tờ là tài sản riêng mà anh đã kê khai ở trên. Còn đối với yêu cầu chia tài sản, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản và gửi cho anh A theo đúng thủ tục quy định pháp luật. Hết thời hạn thông báo anh A không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Do vậy Tòa án không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung thành một vụ kiện khác khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau:

Chị Phạm Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 28/12/2012.

Anh Nguyễn Văn A trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 21/10/2015.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0003365 ngày 02/12/2019 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng